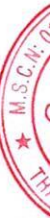




**Công ty Cổ phần Nước khoáng  
Quảng Ninh**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Đàm Sơn  
Ông Trần Phương Bắc  
Ông Trần Tuấn Cường  
Ông Huỳnh Việt Thăng  
Ông Nguyễn Chí Thành

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đàm Sơn  
Ông Nguyễn Hữu Chính  
Ông Huỳnh Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tổ 3A, Khu 4  
Phố Suối Mơ  
Phường Bãi Cháy  
Thành phố Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 1 tháng 3 năm 2023





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





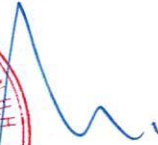
## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00971-23-1



  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>197.849.832.011</b>	<b>160.375.365.909</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>110.520.439.675</b>	<b>117.847.958.839</b>
Tiền	111		1.020.439.675	847.958.839
Các khoản tương đương tiền	112		109.500.000.000	117.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.291.977.373</b>	<b>31.033.218.967</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	54.829.379.107	28.047.762.753
Trả trước cho người bán	132		3.007.677.854	2.847.393.200
Phải thu ngắn hạn khác	136		454.920.412	138.063.014
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>8.629.229.432</b>	<b>10.938.323.928</b>
Hàng tồn kho	141		8.629.229.432	10.957.832.534
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.508.606)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>408.185.531</b>	<b>555.864.175</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		408.185.531	555.864.175
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 260)	<b>200</b>		<b>45.300.344.921</b>	<b>42.204.076.800</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>962.717.000</b>	<b>962.717.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		962.717.000	962.717.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.395.804.116</b>	<b>23.265.940.362</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	24.044.804.116	22.564.486.618
Nguyên giá	222		74.664.417.049	77.304.837.254
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.619.612.933)	(54.740.350.636)
Tài sản cố định vô hình	227	9	6.351.000.000	701.453.744
Nguyên giá	228		18.686.432.798	12.116.432.798
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.335.432.798)	(11.414.979.054)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.941.823.805</b>	<b>17.975.419.438</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.211.107.975	17.050.711.256
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	730.715.830	924.708.182
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>243.150.176.932</b>	<b>202.579.442.709</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>30.521.250.116</b>	<b>20.652.086.221</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.785.584.116</b>	<b>15.623.379.221</b>
Phải trả người bán	311		11.757.604.343	5.469.617.398
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	3.615.585.079	1.647.371.544
Chi phí phải trả	315	13	5.142.096.146	8.230.874.540
Phải trả ngắn hạn khác	319		112.398.548	117.615.739
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		157.900.000	157.900.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.735.666.000</b>	<b>5.028.707.000</b>
Phải trả người bán	331		4.631.850.000	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	14	5.103.816.000	5.028.707.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>212.628.926.816</b>	<b>181.927.356.488</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>212.628.926.816</b>	<b>181.927.356.488</b>
Vốn cổ phần	411	16	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	16	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	176.083.000	176.083.000
Cổ phiếu quỹ	415	16	(247.200.000)	(247.200.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.700.043.816	101.998.473.488
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		92.423.193.488	76.995.876.330
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		40.276.850.328	25.002.597.158
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>243.150.176.932</b>	<b>202.579.442.709</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>258.880.316.732</b>	<b>215.489.192.122</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>193.940.755.188</b>	<b>163.343.828.564</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>64.939.561.544</b>	<b>52.145.363.558</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.913.039.323	3.046.215.226
Chi phí tài chính	22		12.460.000	-
Chi phí bán hàng	25		3.338.031.185	2.926.520.750
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	15.142.935.736	20.738.502.468
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>50.359.173.946</b>	<b>31.526.555.566</b>
Thu nhập khác	31		477.733.919	432.791
Chi phí khác	32		26.396.236	112.000.000
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>451.337.683</b>	<b>(111.567.209)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>50.810.511.629</b>	<b>31.414.988.357</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>24</b>	<b>10.339.668.949</b>	<b>6.286.808.386</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>24</b>	<b>193.992.352</b>	<b>125.582.813</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>40.276.850.328</b>	<b>25.002.597.158</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.048	3.133

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>50.810.511.629</b>	<b>31.414.988.357</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	6.227.075.673	6.297.179.695
Các khoản dự phòng	03	75.109.000	(1.629.311.269)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(9.100.000)	-
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(4.357.550.110)	(3.000.715.226)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>52.746.046.192</b>	<b>33.082.141.557</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(26.926.194.300)	32.724.083.130
Biến động hàng tồn kho	10	2.309.094.496	(437.822.924)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.474.953.211	3.217.382.280
Biến động chi phí trả trước	12	4.302.072.625	5.128.554.743
		<b>34.905.972.224</b>	<b>73.714.338.786</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.187.837.265)	(6.604.316.273)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.718.134.959</b>	<b>67.110.022.513</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.666.405.994)	(12.904.295.007)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	487.532.000	-
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(74.000.000.000)	(70.000.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	54.000.000.000	74.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.707.929.871	2.992.885.089
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(23.470.944.123)</b>	<b>(5.911.409.918)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2022 VND</b>	<b>2021 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả cổ tức	36	(9.574.710.000)	(9.574.710.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.574.710.000)</b>	<b>(9.574.710.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(7.327.519.164)</b>	<b>51.623.902.595</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>117.847.958.839</b>	<b>66.224.056.244</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>110.520.439.675</b>	<b>117.847.958.839</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



## **Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Các hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Nhân sự của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 177 nhân viên (1/1/2022: 197 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền khai thác nước khoáng**

Chi phí để có được quyền khai thác nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 18 năm.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

**(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa**

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển thành công ty cổ phần).

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(k) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(n) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	1.020.439.675	847.958.839
Các khoản tương đương tiền	109.500.000.000	117.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>110.520.439.675</u>	<u>117.847.958.839</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	20.000.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	54.825.739.012	28.043.819.863

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.605.800.000	-
Nguyên vật liệu	6.015.280.031	-	5.502.875.938	-
Công cụ và dụng cụ	2.613.949.401	-	3.830.721.899	-
Thành phẩm	-	-	18.434.697	(19.508.606)
	8.629.229.432	-	10.957.832.534	(19.508.606)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	19.508.606	5.024.586
Tăng dự phòng trong năm	-	19.508.606
Sử dụng dự phòng trong năm	(19.508.606)	(5.024.586)
	-	19.508.606

Trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không có (1/1/2022: 20 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Dụng cụ văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	31.732.790.886	41.622.531.257	3.878.217.657	71.297.454	77.304.837.254
Tăng trong năm	-	139.595.580	-	-	139.595.580
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	938.969.168	5.718.565.892	-	-	6.657.535.060
Thanh lý	-	(9.437.550.845)	-	-	(9.437.550.845)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.671.760.054</b>	<b>38.043.141.884</b>	<b>3.878.217.657</b>	<b>71.297.454</b>	<b>74.664.417.049</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	22.605.588.339	28.988.770.570	3.074.694.273	71.297.454	54.740.350.636
Khấu hao trong năm	2.005.899.763	3.056.444.307	244.277.859	-	5.306.621.929
Thanh lý	-	(9.427.359.632)	-	-	(9.427.359.632)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.611.488.102</b>	<b>22.617.855.245</b>	<b>3.318.972.132</b>	<b>71.297.454</b>	<b>50.619.612.933</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	9.127.202.547	12.633.760.687	803.523.384	-	22.564.486.618
Số dư cuối năm	8.060.271.952	15.425.286.639	559.245.525	-	24.044.804.116

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá là 31.559 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 27.313 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền khai thác nước khoáng VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.994.185.000	1.122.247.798	12.116.432.798
Tăng trong năm	6.570.000.000	-	6.570.000.000
<hr/>			
Số dư cuối năm	17.564.185.000	1.122.247.798	18.686.432.798
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.292.731.256	1.122.247.798	11.414.979.054
Khấu hao trong năm	920.453.744	-	920.453.744
<hr/>			
Số dư cuối năm	11.213.185.000	1.122.247.798	12.335.432.798
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	701.453.744	-	701.453.744
Số dư cuối năm	6.351.000.000	-	6.351.000.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 1.293 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	2.638.971.481	12.537.484.618	1.874.255.157	17.050.711.256
Tăng trong năm	-	-	567.018.272	567.018.272
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	314.790.700	314.790.700
Phân bổ trong năm	(224.593.311)	(3.134.371.155)	(1.362.447.787)	(4.721.412.253)
<hr/>				
Số dư cuối năm	2.414.378.170	9.403.113.463	1.393.616.342	13.211.107.975

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Chi phí phải trả và dự phòng	764.949.664	1.064.192.766
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Tài sản cố định	(34.233.834)	(139.484.584)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>730.715.830</b>	<b>924.708.182</b>



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2022 VND</b>	<b>Phát sinh VND</b>	<b>Nộp VND</b>	<b>Khấu trừ VND</b>	<b>31/12/2022 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	589.448.914	20.918.726.769	(8.364.040.522)	(12.816.033.013)	328.102.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	874.579.981	10.339.668.949	(9.187.837.265)	-	2.026.411.665
Thuế thu nhập cá nhân	69.962.872	1.880.553.947	(1.875.796.719)	-	74.720.100
Thuế tài nguyên	112.714.448	7.580.637.318	(6.511.467.086)	-	1.181.884.680
Các loại thuế khác	665.329	1.285.519.897	(1.281.718.740)	-	4.466.486
	<b>1.647.371.544</b>	<b>42.005.106.880</b>	<b>(27.220.860.332)</b>	<b>(12.816.033.013)</b>	<b>3.615.585.079</b>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng và lương tháng 13	4.966.769.914	7.938.617.708
Chi phí khác	175.326.232	292.256.832
	<hr/>	<hr/>
	5.142.096.146	8.230.874.540
	<hr/>	<hr/>

**14. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động trong năm của dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.028.707.000	6.677.526.875
Tăng dự phòng trong năm	75.109.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.648.819.875)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.103.816.000	5.028.707.000
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	86.571.156.330	166.500.039.330
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.002.597.158	25.002.597.158
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	101.998.473.488	181.927.356.488
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	40.276.850.328	40.276.850.328
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.575.280.000)	(9.575.280.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	80.000.000.000	176.083.000	(247.200.000)	132.700.043.816	212.628.926.816



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	20.600	247.200.000	20.600	247.200.000
<b>Vốn cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	7.979.400	79.794.000.000	7.979.400	79.794.000.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>		176.083.000		176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**17. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 14 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 9.575 triệu VND (2021: 9.575 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	1.325.496.096	1.049.423.220
Trong vòng 2 đến 5 năm	848.601.984	848.601.984
Sau 5 năm	1.025.614.364	1.449.915.356
	3.199.712.444	3.347.940.560

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.148.924.936	5.554.271.616
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.609.440.877	4.748.614.851
	9.758.365.813	10.302.886.467

**19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.880.316.732	215.489.192.122
	258.880.316.732	215.489.192.122

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ cung cấp	193.940.755.188	163.324.319.958
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	19.508.606
	193.940.755.188	163.343.828.564

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.880.209.323	3.000.715.226
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.830.000	45.500.000
	3.913.039.323	3.046.215.226

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	9.554.712.978	15.276.955.204
Chi phí khấu hao	252.338.719	334.948.724
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	180.497.051	212.826.748
Chi phí khác	5.155.386.988	4.913.771.792
	15.142.935.736	20.738.502.468



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	146.766.102.364	113.935.072.466
Chi phí nhân viên	37.591.174.131	45.966.902.387
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.227.075.673	6.297.179.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.167.572.564	11.945.956.149
Chi phí khác	7.669.797.377	8.863.741.085

**24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	10.037.869.221	6.286.808.386
Dự phòng thiếu trong những năm trước	301.799.728	-
	10.339.668.949	6.286.808.386
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	193.992.352	125.582.813
	10.533.661.301	6.412.391.199



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.810.511.629	31.414.988.357
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.162.102.326	6.282.997.671
Chi phí không được khấu trừ thuế	69.759.247	129.393.528
Dự phòng thiếu trong những năm trước	301.799.728	-
	<b>10.533.661.301</b>	<b>6.412.391.199</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên thu nhập tính thuế.

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các quy định về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm, là 40.276.850.328 VND (2021: 25.002.597.158 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 7.979.400 cổ phiếu (2021: 7.979.400 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	40.276.850.328	25.002.597.158

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	7.979.400	7.979.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm – hiện đang lưu hành	7.979.400	7.979.400

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.048	3.133

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage</b>		
Cổ tức	6.304.920.000	6.304.920.000
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	258.746.205.469	215.383.895.749
Mua hàng hóa	87.123.215	333.162.450
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery</b>		
<b>Distribution</b>		
Mua hàng hóa	96.354.545	50.075.455
<b>Công ty Cổ phần Mobicast</b>		
Mua dịch vụ	41.973.391	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao	3.729.959.952	3.904.012.217

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, phí, lương và thưởng đã chi trả của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch	-	-
Ông Đàm Sơn	Thành viên	-	-
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	-	-
Ông Trần Tuấn Cường	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	240.000.000	240.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>			
Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc	2.181.767.544	2.294.106.044

**27. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

